

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 137/2019/DSPT

Ngày 05 – 9 – 2019

*“V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huân, bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2019/TLPT-DS ngày 25/6/2019 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”. Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Giang Thị N đối với bản án sơ thẩm số: 13/2019/DS-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 162/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Giang Thị N; Trú tại: Đường Đ, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Văn H; địa chỉ: Đường T, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Quang T - Văn phòng luật sư Lê Quang T thuộc đoàn Luật sư thành phố H - Chi nhánh Đ; Địa chỉ: đường T, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. Bị đơn: Bảo hiểm xã hội thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Đường P, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thanh G, chức vụ Giám đốc.

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Trọng T1, chức vụ Phó giám đốc; Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Thị M; địa chỉ: phường TA, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

3.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ; địa chỉ: Đường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn S - Chức vụ: Giám đốc.

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Văn B, chức vụ Phó trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra; Vắng mặt.

3.3. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BH; địa chỉ: **Đường V, phường TA, thị xã BH**, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K – Chức vụ: Chi cục trưởng; Vắng mặt.

** Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Giang Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Giang Thị N và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, thì vợ chồng ông Nguyễn Hữu T2, bà Vũ Thị M, có nghĩa vụ phải trả cho bà Giang Thị N tổng cộng 5.000kg cà phê nhân xô.

Do ông T2, bà M không tự nguyện thi hành khoản nghĩa vụ nói trên cho bà N, nên cơ quan Thi hành án yêu cầu Trung tâm y tế nơi ông T2 công tác, làm việc để phối hợp trong việc trích thu nhập hàng tháng từ tiền lương của ông T2 để trả nợ cho bà Giang Thị N. Tính đến tháng 12 năm 2017, Chi cục thi hành án dân sự Thị xã BH đã thu được cho bà Giang Thị N số tiền là 40.744.000 đồng từ tiền lương của ông T2. Đến ngày 23/01/2018, ông Nguyễn Hữu T2 chết.

Ngày 14/03/2018 Chi cục thi hành án dân sự Thị xã BH có công văn số 235/CCTHADS-TH gửi Bảo Hiểm xã hội thị xã BH trong đó có nội dung: Do ông Nguyễn Hữu T2, bà Vũ Thị M phải thi hành khoản nghĩa vụ theo các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, và “ Quá trình xác minh điều kiện thi hành án được biết ông Nguyễn Hữu T2 chết ngày 23/01/2018 và nhân thân của ông Nguyễn Hữu T2 chưa nộp hồ sơ hưởng chế độ tử tuất đối với ông Nguyễn Hữu T2. Khi gia đình của ông Nguyễn Hữu T2 nộp hồ sơ hưởng chế độ tử tuất thì đề nghị Bảo Hiểm xã hội thị xã BH thông báo ngày bằng văn bản cho Chi cục thi hành án dân sự thị xã BH để xử lý theo quy định của pháp luật”. Mặc dù vậy, không biết vì lý do gì, sau khi nhận hồ sơ hưởng chế độ tử tuất của gia đình ông T2, Bảo Hiểm thị xã BH đã giải quyết và chi trả toàn bộ tiền tử tuất cho gia đình ông Nguyễn Hữu T2, mà không thông báo cho Chi cục thi hành án dân sự Thị xã BH biết để xử lý theo quy định của pháp luật. Gia đình ông T2, bà M đã nhận gần 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) từ Bảo hiểm xã hội nhưng không thực hiện trả nợ theo Quyết định của Toà án và Quyết định thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự Thị xã BH. Việc làm này của Bảo hiểm xã hội thị xã BH là không đúng quy định pháp luật và gây thiệt hại cho bà. Ngày 07/09/2018, bà

N làm đơn khiếu nại đến ông Giám đốc để khiếu nại hành vi nói trên của cơ quan Bảo hiểm xã hội Thị xã BH. Ngày 11/09/2018, Giám đốc Bảo hiểm xã hội thị xã BH đã ban hành công văn số 620/CV_BHXXH trả lời nội dung khiếu nại của bà N, trong đó có nội dung là: “ Ngày 26/06/2018 thân nhân gia đình ông T2 làm hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ tử tuất, sau khi tiếp nhận hồ sơ Bảo hiểm xã hội thị BH chuyển hồ sơ về Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ giải quyết, sau khi có kết quả giải quyết Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ chuyển hồ sơ và kinh phí sang Bưu điện tỉnh Đ và Bưu điện tỉnh Đ chuyển về Bưu điện thị xã BH để chi trả theo quy định”.

Như vậy, Bảo hiểm xã hội thị xã BH đã không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà Giang Thị N. Dẫn đến tại Quyết định số 31/QĐ-CCTHADS Ngày 22/03/2018, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã BH gửi cho bà Giang Thị N với nội dung bà Vũ Thị M (vợ ông T2) chưa có điều kiện để thi hành án cho bà Giang Thị N 3.948,62 kg cà phê nhân xô. Đây là hậu quả của hành vi thiếu trách nhiệm và trái pháp luật của Bảo hiểm xã hội thị xã BH. Căn cứ vào quy định của pháp luật về Bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra và Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội trong thi hành án dân sự, nay bà N khởi kiện yêu cầu Bảo hiểm xã hội Thị xã BH phải bồi thường cho bà N số nợ mà vợ chồng ông Nguyễn Hữu T2, bà Vũ Thị M còn phải thi hành án cho bà N là 3.948,62 kg cà phê nhân xô theo giá thị trường khi khởi kiện với số tiền: $3.948,62 \text{ kg} \times 37.800 \text{ đồng/kg} = 149.234.000 \text{ đồng}$ (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng).

2. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện của bị đơn ông Nguyễn Trọng T1 trình bày:

Ngày 14/3/2018, Bảo hiểm xã hội thị xã BH nhận được Công văn số 235/CCTHADS-TH của Chi cục thi hành án thị xã BH về việc phối hợp thi hành án, với nội dung: “ Đề nghị Bảo hiểm xã hội thị xã BH thông báo bằng văn bản cho chi cục thi hành án dân sự thị xã BH khi gia đình ông T2 nộp hồ sơ hưởng chế độ tử tuất”. Tuy nhiên, đến ngày 26/6/2018 (sau 03 tháng kể từ ngày Bảo hiểm xã hội thị xã BH nhận được Công văn số 235/CCTHADS-TH) thân nhân của gia đình ông T2 mới nộp hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ tử tuất. Do thời gian quá lâu nên khi cơ quan BHXH thị xã BH nhận và chuyển hồ sơ đến Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ để giải quyết đã sơ suất quên không thông báo cho chi cục thi hành án dân sự thị xã BH biết. Sau thời điểm ông T2 mất khoảng 06 tháng, thì hồ sơ đầy đủ thủ tục, Bảo hiểm xã hội thị xã BH đã hoàn tất hồ sơ, chuyển đến Bảo hiểm xã hội tỉnh và chưa có văn bản phản hồi cho chi cục thi hành án dân sự thị xã BH cũng như không thông báo cho chi cục thi hành án trong việc nhận hồ sơ giải quyết hồ sơ giải quyết chế độ tử tuất đối với thân nhân của ông

T2. Đây là sơ suất tuy nhiên không đến mức phải bồi thường thiệt hại và có trách nhiệm phải trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà N. Bởi vì theo Quyết định của Toà án buộc cả vợ chồng ông T2, bà M phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà N nên đề nghị bà M là người nhận chế độ tử tuất và mai táng phí của ông T2 phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho bà N, mới đúng quy định của pháp luật.

3. Quá trình tham gia tố tụng người Đại diện theo uỷ quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ trình bày

Ông Nguyễn Hữu T2 sinh năm 1963, nguyên là nhân viên Trung tâm Y tế thị xã BH có thời gian tham gia BHXH là 30 năm, ông T2 chết ngày 23/01/2018. Căn cứ hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ tử tuất một lần, trong đó có Tờ khai của nhân thân ông T2 do bà Vũ Thị M đứng tên, được Ủy ban nhân dân phường TA, thị xã BH xác nhận ngày 25/6/2018. Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 2204/QĐ-BHXH ngày 03/7/2018 về việc hưởng trợ cấp tử tuất một lần đối với thân nhân của ông T2, tổng số tiền trợ cấp là 269.184.500 đồng. BHXH tỉnh đã chuyển Quyết định cùng số tiền trợ cấp đến BHXH thị xã BH để đơn vị uỷ quyền cho Bureau điện thị xã BH chi trả toàn bộ số tiền trợ cấp cho thân nhân ông T2 theo quy định. Việc BHXH tỉnh ban hành Quyết định số 2204/QĐ-BHXH ngày 03/7/2018 là đúng quy định tại Điều 66, Điều 69, Điều 70 Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014; Quyết định số 1414 ngày 04/10/2016 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH địa phương và Quyết định số 24/QĐ-BHXH ngày 07/01/2004 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam về việc thành lập BHXH tỉnh Đ. Việc giải quyết chế độ BHXH và chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH cho người lao động, hoặc thân nhân của người lao động, việc khấu trừ lương hưu, trợ cấp BHXH do BHXH tỉnh quyết định, BHXH thị xã BH không có quyền khấu trừ lương hưu, trợ cấp của người được hưởng các chế độ BHXH để thực hiện thi hành án. Quá trình giải quyết chế độ tử tuất cho ông T2, BHXH tỉnh không nhận được bất kỳ Quyết định, văn bản nào từ phía cơ quan Thi hành án yêu cầu thực hiện thi hành án khấu trừ tiền trợ cấp đối với bà M; do đó, BHXH tỉnh không có cơ sở để thông báo cho BHXH thị xã BH khấu trừ tiền trợ cấp của bà M để thực hiện thi hành án.

4. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M trình bày:

Trước đây vợ chồng bà M, ông T2 có nợ của bà Giang Thị N 5000 kg cà phê nhân xô, bà N đã khởi kiện vợ chồng bà M ra Toà án và đã yêu cầu cơ quan thi hành án giải quyết khoản nợ cho bà N, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn chưa trả được nợ nên thi hành án đã khấu trừ thu nhập tiền lương hàng tháng của chồng bà M để trả cho bà N được khoảng hơn 40.000.000đồng. ngày

23/01/2018 chồng bà M mất, sau 06 tháng gia đình bà M mới làm chế độ bảo hiểm tiền tuất cho chồng. Sau đó bảo hiểm xã hội chi trả tiền tử tuất cho chồng bà M được hơn 269.000.000đồng, khi bảo hiểm xã hội chi trả tiền tử tuất cho ông T2 bà M không biết là phải khấu trừ thi hành án, đồng thời cũng không có cơ quan nào nói cho bà M biết, nên sau khi nhận tiền gia đình bà M đã sử dụng vào các chi phí cho việc mai táng cho chồng bà M hết. Đối với số nợ còn lại của bà N thì mẹ con bà M hứa sẽ cố gắng làm ăn và chịu trách nhiệm trả số nợ này cho bà N. Về yêu cầu khởi kiện của bà N bà M đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BH trình bày (tại công văn số 25/CCTHA-TH ngày 18/02/2019 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã BH về việc xin từ chối tham gia tố tụng). Căn cứ Quyết định số 28/2015/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ và đơn yêu cầu thi hành án của bà Giang Thị N, Chi cục trưởng chi cục Thi hành án dân sự thị xã BH đã ban hành Quyết định thi hành án số 74/QĐ-CCTHA ngày 26 tháng 8 năm 2015, buộc ông Nguyễn Hữu T2, bà Vũ Thị M, phải trả cho bà N 5.000 kg (năm nghìn kilôgam) cà phê nhân xô. Hết thời gian tự nguyện thi hành án, chấp hành viên đã nhiều lần động viên thuyết phục nhưng ông Nguyễn Hữu T2, bà Vũ Thị M không thi hành án. Qua xác minh điều kiện thi hành án được biết ông Nguyễn Hữu T2 công tác tại Trạm y tế phường TA, với mức lương thực nhận là 6.276.355 đồng. Để đảm bảo thi hành nghĩa vụ thi hành án, chấp hành viên đã ban hành Quyết định về việc trừ vào thu nhập của người phải thi hành án số 10/QĐ-CCTHADS ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BH với nội dung là trừ vào thu nhập của ông Nguyễn Hữu T2 tại trung tâm y tế thị xã BH mỗi tháng 1.882.000 đồng (Một triệu tám trăm mười hai nghìn đồng) kể từ tháng 01/2016 cho đến khi kết thúc việc thi hành án đối với ông Nguyễn Hữu T2. Đến ngày 31 tháng 01 năm 2018, chi cục thi hành án dân sự thị xã BH nhận được thông báo số 17/TB-TTYT ngày 29 tháng 01 năm 2018 Trung tâm y tế thị xã BH thông báo từ tháng 02/2018 Trung tâm sẽ không phối hợp để thu khoản tiền lương của ông Nguyễn Hữu T2 hàng tháng theo Quyết định trên, lý do: ông T2 bị đột tử chết.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, chấp hành viên xác minh thông tin chế độ tử tuất của ông Thủ tại Bảo hiểm thị xã BH nhưng được cung cấp từ ngày 23/01/2018 đến tại thời điểm xác minh thân nhân của ông T2 chưa đến cơ quan bảo hiểm để làm hồ sơ chế độ tử tuất. Để đảm bảo quyền lợi của người thi hành án, ngày 14 tháng 3 năm 2018 Chi cục thi hành án dân sự thị xã BH có công văn số 235/CCTHADS-TH gửi Bảo hiểm xã hội thị xã BH với nội dung: Khi gia đình của ông Nguyễn Hữu T2 nộp hồ sơ hưởng chế độ tử tuất thì đề nghị Bảo hiểm xã hội thị xã BH thông báo ngay cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã

BH xử lý đề thi hành án theo quy định. Bảo hiểm xã hội thị xã BH đã nhận được công văn nói trên của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BH, nhưng cho đến nay Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BH vẫn chưa nhận được ý kiến phúc đáp của Bảo hiểm xã hội thị xã BH. Được biết, hiện nay gia đình ông Nguyễn Hữu T2 đã được nhận chế độ tử tuất tại Bảo hiểm xã hội thị xã BH, nhưng Bảo hiểm xã hội thị xã BH không thông báo cho chi cục thi hành án dân sự thị xã BH biết theo nội dung Công văn số 235/CCTHADS-TH ngày 14 tháng 3 năm 2018 để áp dụng biện pháp bảo đảm đối với số tiền tử tuất của ông Nguyễn Hữu T2 để thi hành án. Đề nghị TAND giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 96, Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không Chấp nhận yêu cầu của bà Giang Thị N về việc yêu cầu Bảo hiểm xã hội Thị xã BH phải bồi thường cho bà N toàn bộ số nợ mà vợ chồng ông Nguyễn Hữu T2, bà Vũ Thị M còn phải thi hành án cho bà N là 3.948,62kg cà phê nhân xô theo giá thị trường khi khởi kiện với số tiền: 3.948,62 kg x 37.800 đồng/kg = 149.234.000đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/5/2019, nguyên đơn bà Giang Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà N cho rằng có đủ cơ sở để chứng minh Bảo hiểm xã hội thị xã BH, không thực hiện nội dung Công văn số 235/CCTHADS-TH ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án thị xã BH là hành vi trái pháp luật và có lỗi nên phải bồi thường cho bà N là đúng quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N để sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà Giang Thị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Giang Thị N – Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Giang Thị N yêu cầu buộc bị đơn Bảo hiểm xã hội thị xã BH phải bồi thường cho bà N toàn bộ số nợ mà vợ chồng ông Nguyễn Hữu T2, bà Vũ Thị M còn phải thi hành án cho bà N là 3.948,62kg cà phê nhân xô theo giá thị trường khi khởi kiện với số tiền: $3.948,62 \text{ kg} \times 37.800 \text{ đồng/kg} = 149.234.000 \text{ đồng}$. Đây là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nên Tòa án nhân dân thị xã BH thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giang Thị N, thì thấy:

Năm 2015, vợ chồng ông Nguyễn Hữu T2, bà Vũ Thị M nợ bà Giang Thị N 5.000kg cà phê nhân xô, do không trả được nên bà N đã khởi kiện ông T2, bà M ra Tòa án. Ngày 26/8/2015, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ đã ban hành Quyết định số 28/2015/QĐST-DS công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (sau đây viết tắt là Quyết định số 28), theo đó các bên thỏa thuận với nhau nội dung: “Ông T2, bà M phải có trách nhiệm trả cho bà N 5.000kg cà phê nhân xô”. Nhưng ông T2, bà M không trả được nợ theo thỏa thuận nên cơ quan thi hành án đã yêu cầu Trung tâm y tế nơi ông T2 làm việc để phối hợp trong việc trích thu nhập hàng tháng từ tiền lương của ông T2 để trả nợ cho bà Giang Thị N. Tính đến tháng 12 năm 2017, Chi cục thi hành án dân sự Thị xã BH đã thu được cho bà N số tiền là 40.744.000 đồng tương đương 1.051,38 kg cà phê nhân xô từ tiền lương của ông T2, còn lại 3.948,62kg cà phê nhân xô chưa thi hành, đến ngày 23/01/2018, ông Nguyễn Hữu T2 chết.

Theo Quyết định số 28 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ thì nghĩa vụ trả nợ là trách nhiệm của ông T2 và bà M. Nay ông T2 chết thì bà M tiếp tục trả khoản nợ còn lại cho bà N. Còn phía nguyên đơn bà N cho rằng Bảo hiểm xã hội

thị xã BH sau khi nhận được Công văn của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã BH nhưng không thu giữ số tiền trên để phối hợp giải quyết về khoản tiền thi hành án còn lại của ông T2 và bà M là hành vi trái pháp luật, nên phải bồi thường toàn bộ thiệt hại. Xét về thủ tục hồ sơ và quyền hạn giải quyết của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ và Bảo hiểm thị xã BH về “giải quyết chế độ tử tuất một lần” của thân nhân ông T2 do vợ ông đứng tên là bà Vũ Thị M là đúng trình tự thủ tục của pháp luật, không có hành vi trái pháp luật của Bảo hiểm xã hội thị xã BH và không có hậu quả xảy ra, tuy bị đơn chưa thông báo kịp thời, theo nội dung Công văn số 235 của Chi cục Thi hành án thị xã BH ngày 14/3/2018 là có phần thiếu trách nhiệm trong công tác phối hợp, việc làm trên của bị đơn không trực tiếp gây thiệt hại cho bà Gang Thị Nụ, hơn nữa pháp luật cũng không buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thông báo. Do đó, không đủ căn cứ phát sinh yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại Điều 584 Bộ luật dân sự.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cũng như ý kiến của Luật sư, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Giang Thị N trái với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà N là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Giang Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Giang Thị N – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DS-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ vào: Khoản 6 Điều 26, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giang Thị N về việc yêu cầu Bảo hiểm xã hội Thị xã BH phải bồi thường cho bà N toàn bộ số nợ mà vợ chồng ông Nguyễn Hữu T2, bà Vũ Thị M còn phải thi hành án cho bà N là 3.948,62kg cà phê nhân xô theo giá thị trường khi khởi kiện với số tiền:

3.948,62 kg x 37.800 đồng/kg = 149.234.000đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng).

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí:

-Về án phí sơ thẩm: Bà Giang Thị N phải chịu 7.461.700đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 3.730.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017 005476 ngày 18/10/2018, bà Gang Thị Nụ còn phải nộp tiếp 3.731.700đ.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Giang Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà N đã nộp tạm ứng tại biên lai thu số AA/2019/0000071 ngày 05/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã BH;
- Dương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng